

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 22/2020/DS -ST

Ngày 04/8/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 và 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-DS ngày 17/4/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST- DS ngày 02/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST-DS ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TT (Ngân hàng)

Địa chỉ: Số 266 – 268, đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc, địa chỉ: Số 266 – 268, đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng- chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 449 đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 3905/2019/GUQ-PL ngày

16/12/2019). Ông T ủy quyền lại cho các ông: Nguyễn Vũ T1, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng - chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 449 đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số 11/2020/QĐ-CNQNI ngày 21/01/2020); ông Phạm Quốc D, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, địa chỉ: Số 449 đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số 85/2020/GUQ-QNI ngày 12/5/2020) và ông Nguyễn Minh K, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, địa chỉ: Số 449 đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (Theo Giấy ủy quyền số 141/2020/QUQ-QNI, ngày 27/7/2020), ông K có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Minh T sinh năm 1987 và bà Võ Thị Kiều V sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị M sinh năm 1966
Địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2020 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:*

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phê duyệt cấp tín dụng ngày 14/3/2019 của ông Lê Minh T và Võ Thị Kiều V. Ngân hàng đã ký với ông T, bà V Hợp đồng tín dụng số LD1907 300548 ngày 14/3/2019 để cho ông T, bà V vay số tiền 330.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh-mua bán thủy hải sản; lãi suất vay: 10,5%/năm áp dụng cho 03 tháng đầu, từ tháng thứ 04 sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ; ông T, bà V đã ký tên vào Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ Ngân hàng ngày 14/3/2019.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông T, bà V, bà Trần Thị M (mẹ đẻ của ông Lê Minh T) đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số LD 1907300548 ngày 14/3/2019, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 14/3/2019, đăng ký thế chấp ngày 15/3/2018 đối với quyền sử dụng đất tại thửa 325, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m² tại thôn P, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH02585 ngày 20/01/2014 cho ông Lê Minh Dũng và bà Trần Thị M (Thừa kế cho bà Trần Thị

M ngày 14/3/2019), bà M cam kết toàn bộ tài sản gắn liền trên đều thuộc tài sản thế chấp, cam kết được chứng thực tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 14/3/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 31/7/2020, ông T, bà V còn nợ Ngân hàng: Nợ gốc là 330.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 15.666.410 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.188.415 đồng, tổng cộng là 367.854.825 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà V phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 367.854.825 đồng (tạm tính đến 31/7/2020), ông T, bà V phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông T, bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bà Trần Thị M theo hợp đồng thế chấp đã ký để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà V có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

** Tại Biên bản làm việc ngày 06/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Minh T trình bày:*

Ông và bà Võ Thị Kiều V là vợ chồng, ông bà thống nhất về việc có ký Hợp đồng tín dụng đúng như Ngân hàng trình bày. Ông và bà Võ Thị Kiều V còn nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng tổng số T342.844.565 đồng trong đó nợ gốc là 330.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.677.424 đồng, nợ lãi quá hạn là 167.141 đồng tạm tính đến ngày 18/02/2020. Do hoàn cảnh kinh tế hiện đang khó khăn, ông bà đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông bà được trả dần số tiền nợ cho đến khi hết nợ.

Trong trường hợp ông T và bà V không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì ông T và bà V đồng ý việc Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng hợp đồng thế chấp tài sản số LD 1907300548 ngày 14/3/2019 được ký giữa Ngân hàng và bà Trần Thị M. Thửa đất 325 nêu trên là thửa đất trống, không có tài sản hay công trình gắn liền với đất

** Bị đơn bà Võ Thị Kiều V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án và không đến Tòa làm việc.*

**Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T, bà V phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 367.854.825 đồng (tạm tính đến 31/7/2020), ông T, bà V phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông T, bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp đã ký với bà Trần Thị M để trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ, ông T, bà V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Võ Thị Kiều V và bà Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Lê Minh T và bà Võ Thị Kiều V phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án và ông T thừa nhận thì Ngân hàng và ông T, bà V đã ký Hợp đồng tín dụng số LD1907300548 ngày 14/3/2019. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên tạm tính đến ngày 31/7/2020

ông T và bà V còn nợ Ngân hàng: Nợ gốc là 330.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 15.666.410 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.188.415 đồng, tổng cộng là 367.854.825 đồng. Ông T thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký, bà V không phản đối nên đây là nội dung, tình tiết không phải chứng minh. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng yêu cầu ông T, bà V phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ bao gồm nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 31/7/2020 và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi tất toán hợp đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông T thừa nhận, bà M không phản đối việc để đảm bảo khoản vay của ông T, bà V thì bà Trần Thị M đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản số LD1907300548 ngày 14/3/2019, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 14/3/2019, đăng ký thế chấp ngày 15/3/2019 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 325, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m² tại thôn P, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH02585 ngày 20/01/2014 cho ông Lê Minh Dũng và bà Trần Thị M. Tại phần IV Những thay đổi sau khi cấp chứng nhận của Giấy chứng nhận có ghi “Thừa kế cho bà Trần Thị M sinh năm 1966, CMND 212649911, địa chỉ xã N, TP. QNg, tỉnh Quảng Ngãi” có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi chi nhánh thành phố Quảng Ngãi ngày 14/3/2019. Bà M và Ngân hàng đã ký Cam kết thế chấp ngày 14/3/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 14/3/2019, bà M cam kết toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa 325 nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp. Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra không phải chứng minh, Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông T và bà V không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bà M để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông T và bà V tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông T và bà V phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, Ngân hàng đã tạm ứng số tiền trên và đã chi xong nên ông T và bà V có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông T và bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 157, 158, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TT. Buộc ông Lê Minh T và bà Võ Thị Kiều V phải thanh toán cho Ngân hàng TT số tiền còn nợ cụ thể như sau: Nợ gốc là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 15.666.410 đồng (Mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm mười đồng), nợ lãi quá hạn là 22.188.415 đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm mười lăm đồng), tổng cộng là 367.854.825 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng), (Tối đa tạm tính đến ngày 31/7/2020).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông T và bà V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp ông T và bà V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 325, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m² tại thôn P, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH02585 ngày 20/01/2014 cho ông Lê Minh Dũng và bà Trần Thị M, tại phần IV Những thay đổi sau khi cấp chứng nhận của Giấy chứng nhận có ghi “Thừa kế cho bà Trần Thị M sinh năm 1966, CMND 212649911, địa chỉ xã N, TP. QNg, tỉnh Quảng

Ngãi” có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi chi nhánh thành phố Quảng Ngãi ngày 14/3/2019 theo hợp đồng thế chấp tài sản số LD1907300548 ngày 14/3/2019, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 14/3/2019, đăng ký thế chấp ngày 15/3/2019.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T và bà V có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TT cho đến khi trả nợ xong.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), ông T và bà V phải chịu nhưng Ngân hàng TT đã tạm ứng số T trên và đã chi phí xong nên buộc ông T và bà V phải hoàn trả cho Ngân hàng TT 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà V phải chịu 18.392.741 đồng (Mười tám triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng).

6. Hoàn trả cho Ngân hàng TT số T8.571.114 đồng (Tám triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, một trăm mười bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003426 ngày 01/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly